

KẾT QUẢ PHỨC KHẢO BÀI THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP I

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									
1	26.01.01.0171	Thiều Phương	Thảo	Nữ	08/09/1999	Tỉnh Đồng Nai	6,22	6,22	
2	26.01.01.0181	Đoàn Hồng	Thiện	Nữ	20/10/1979	Tỉnh Bến Tre	5,78	5,78	
3	26.01.01.0207	Lê Đặng Quế	Trâm	Nữ	23/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	4,55	4,55	
4	26.01.01.0134	Huỳnh	Phúc	Nam	24/03/1994	Tỉnh Đắk Lắk	5,00	5,00	
CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH									
5	26.01.02.0304	Mai Văn	Phúc	Nam	11/09/1995	Bình Thuận	6,00	6,00	
6	26.01.02.0312	Lê Văn	Son	Nam	17/05/1995	Tỉnh Thanh Hóa	6,00	6,00	
7	26.01.02.0277	Đặng Minh	Khá	Nam	09/02/1998	Tỉnh An Giang	7,00	7,00	
8	26.01.02.0248	Nguyễn Thế	Danh	Nam	29/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6,00	6,00	
9	26.01.02.0271	Phạm Quang	Huy	Nam	01/01/1998	Bình Định	6,50	6,50	
10	26.01.02.0316	Phạm Trần Ngọc	Thành	Nam	17/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	7,00	7,00	
11	26.01.02.0283	Lê Gia Hào	Kiệt	Nam	02/08/1999	Tỉnh Đồng Tháp	5,00	5,00	
12	26.01.02.0241	Phạm Văn	Bảo	Nam	13/09/1994	Tỉnh Đắk Lắk	6,50	6,50	
13	26.01.02.0253	Phạm Trọng	Đình	Nam	08/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	5,50	5,50	
14	26.01.02.0291	Võ Nhật	Minh	Nam	10/06/2000	Campuchia	6,50	6,50	
15	26.01.02.0326	Võ Minh	Tín	Nam	25/01/2000	Phú Yên	7,00	7,00	
16	26.01.02.0274	Lê Minh	Huy	Nam	15/03/1998	Tỉnh Đồng Nai	6,50	6,50	
17	26.01.02.0321	Trần Văn	Thắng	Nam	20/02/1996	Tỉnh Quảng Bình	6,00	6,00	
18	26.01.02.0245	Lê Đại	Chiến	Nam	12/03/1994	Tỉnh Đắk Lắk	7,00	7,00	
DA LIÊU									
19	26.01.03.0492	Nguyễn Thụy Ngọc	Trâm	Nữ	23/09/1980	Ninh Thuận	8,56	8,56	
20	26.01.03.0488	Phan Thị Thủy	Trang	Nữ	14/11/2000	BÌNH ĐỊNH	8,44	8,44	
21	26.01.03.0443	Bùi Vinh	Phát	Nam	23/10/1995	Trà Vinh	8,67	8,67	
22	26.01.03.0472	Trần Mai	Thảo	Nữ	24/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,11	9,11	
23	26.01.03.0482	Lê Minh Anh	Thư	Nữ	15/10/1999	Tỉnh Khánh Hòa	8,78	8,78	
24	26.01.03.0388	Trần Thị Hồng	Hà	Nữ	16/12/2000	Tỉnh Đắk Lắk	8,44	8,44	
25	26.01.03.0391	Lý Thị Mỹ	Hào	Nữ	26/05/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	8,33	8,33	
26	26.01.03.0476	Võ Dương Gia	Thiên	Nam	08/03/2000	Bình Định	8,11	8,11	
27	26.01.03.0428	Võ Trần Thủy	Ngân	Nữ	11/03/2000	Phú Yên	8,78	8,78	
28	26.01.03.0406	Lâm Lê Thanh	Hương	Nữ	05/02/1998	Bạc Liêu	8,78	8,78	
29	26.01.03.0510	Nguyễn Lê Phương	Uyên	Nữ	20/02/1996	Tỉnh Đồng Nai	8,33	8,33	
DƯỢC CƠ SỞ									
30	26.01.40.1674	Nguyễn Mai Phương	Dung	Nữ	20/07/1993	Trà Vinh	4,80	4,80	
GÂY MÊ HỒI SỨC									
31	26.01.05.0621	Bùi Quang	Thông	Nam	16/04/2000	Tỉnh Bình Thuận	6,44	6,44	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
32	26.01.05.0641	Lê Văn	Tú	Nam	02/05/1996	Thành phố Hồ Minh	6,44	6,44	
33	26.01.05.0643	Dương Minh	Tú	Nam	17/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	6,00	6,00	
GIẢI PHẪU									
34	26.01.08.0860	Đặng Ngọc Anh	Thư	Nữ	23/07/2000	tỉnh Tiền Giang	5,11	5,11	
35	26.01.02.0330	Nguyễn Đào Bảo	Trí	Nam	21/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	3,82	3,82	
36	26.01.13.1264	Đoàn Quyết	Thắng	Nam	09/08/1993	Tỉnh Thanh Hóa	4,64	4,64	
37	26.01.02.0304	Mai Văn	Phúc	Nam	11/09/1995	Bình Thuận	6,22	6,22	
38	26.01.13.1248	Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	02/10/2000	Tỉnh Đắk Lắk	4,82	4,82	
39	26.01.02.0312	Lê Văn	Son	Nam	17/05/1995	Tỉnh Thanh Hóa	5,33	5,33	
40	26.01.16.1567	Nguyễn Trần Hoàng	Phương	Nam	29/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	4,55	4,55	
41	26.01.15.1422	Nguyễn Thị Lập	Phương	Nữ	26/10/1997	Quảng Nam	4,55	4,55	
42	26.01.15.1370	Phan Huyền	Linh	Nữ	26/02/1994	Tỉnh Tây Ninh	5,56	5,56	
43	26.01.08.0843	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	27/07/2000	Tỉnh Bình Định	4,45	4,45	
44	26.01.01.0171	Thiều Phương	Thảo	Nữ	08/09/1999	Tỉnh Đồng Nai	5,56	5,56	
45	26.01.16.1582	Vương Minh	Tin	Nam	21/08/1995	Bình Định	4,64	4,64	
46	26.01.02.0248	Nguyễn Thế	Danh	Nam	29/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	5,78	5,78	
47	26.01.01.0181	Đoàn Hồng	Thiện	Nữ	20/10/1979	Tỉnh Bến Tre	4,82	4,82	
48	26.01.15.1319	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	Nữ	07/08/1991	Phú Yên	4,73	4,73	
49	26.01.15.1373	Phạm Ngọc Mỹ	Linh	Nữ	01/03/1997	Tỉnh Đồng Nai	5,00	5,00	
50	26.01.02.0290	Nguyễn Thành Nhứt	Minh	Nam	27/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	4,91	4,91	
51	26.01.15.1352	Nguyễn	Hoàng	Nam	29/01/1999	Tỉnh Đồng Nai	5,67	5,67	
52	26.01.15.1374	Đoàn Thị Mỹ	Linh	Nữ	05/08/1998	Tỉnh Lâm Đồng	3,82	3,82	
53	26.01.01.0053	Hồ Xuân	Hoàng	Nam	06/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	5,56	5,56	
54	26.01.20.1730	Trần Anh	Khoa	Nam	01/01/2000	Tỉnh Bình Thuận	4,91	4,91	
55	26.01.12.0790	Trương Văn	Tuấn	Nam	20/02/1994	Tỉnh Nghệ An	4,27	4,27	
56	26.01.13.1241	Hoàng Thị Thùy	Linh	Nữ	10/11/1996	Bình Phước	4,73	4,73	
57	26.01.08.0862	Trần Thị Tường	Thy	Nữ	24/08/2000	Thành phố Cần Thơ	5,78	5,78	
58	26.01.08.0842	Nguyễn Cao	Nhân	Nam	04/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	4,36	4,36	
59	26.01.08.0847	Nguyễn Hoàng Thảo	Như	Nữ	01/05/1999	Tỉnh Đồng Nai	4,91	4,91	
60	26.01.15.1480	Quách Phùng Mai	Trâm	Nữ	07/03/1996	Tỉnh Cà Mau	4,64	4,64	
61	26.01.13.1275	Đoàn Ngọc	Trâm	Nữ	09/04/1999	Tỉnh Đắk Lắk	4,09	4,09	
62	26.01.12.0759	Lý Khánh	Đạt	Nam	19/08/2000	Tỉnh Kiên Giang	4,82	4,82	
63	26.01.13.1216	Trần Văn	An	Nam	06/02/1997	Trà Vinh	4,82	4,82	
64	26.01.02.0310	Bùi Minh	Sang	Nam	25/12/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	4,27	4,27	
65	26.01.13.1262	Trần Lê Chí	Thanh	Nam	30/04/1997	Tỉnh Lâm Đồng	4,82	4,82	
66	26.01.08.0820	Đinh Thị Ánh	Hồng	Nữ	02/06/1998	Tỉnh Đắk Lắk	4,55	4,55	
67	26.01.02.0241	Phạm Văn	Báo	Nam	13/09/1994	Tỉnh Đắk Lắk	5,33	5,33	
68	26.01.15.1307	Sầm Thị Vân	Anh	Nữ	22/04/1997	Tỉnh Nghệ An	3,45	3,45	
69	26.01.01.0134	Huỳnh	Phúc	Nam	24/03/1994	Tỉnh Đắk Lắk	2,73	2,73	
70	26.01.15.1367	Lâm Trúc	Lâm	Nam	06/04/1991	An Giang	4,64	4,64	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
71	26.01.15.1427	Lâm Thanh	Quang	Nam	19/09/1994	Sóc Trăng	6,22	6,22	
72	26.01.15.1452	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	01/02/1983	Long An	4,00	4,00	
73	26.01.20.1720	Nguyễn Vũ Trường	An	Nam	04/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	4,91	4,91	
74	26.01.08.0798	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	30/06/1996	Tỉnh Cà Mau	3,64	3,64	
75	26.01.13.1280	Nguyễn Mạnh	Tường	Nam	30/09/1973	Tỉnh Hà Nam	4,18	4,18	
76	26.01.15.1412	Vũ Thảo	Nhi	Nữ	09/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	5,89	5,89	
77	26.01.13.1228	Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	16/01/1997	Tỉnh Đắk Lắk	4,09	4,09	
78	26.01.02.0275	Nguyễn Thành	Huy	Nam	01/08/1999	Phú Yên	3,91	3,91	
79	26.01.15.1420	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	09/09/1997	Tỉnh Đồng Tháp	5,33	5,33	
80	26.01.02.0297	Nguyễn Hải	Nguyên	Nam	12/04/2000	Tỉnh Lâm Đồng	4,91	4,91	
81	26.01.02.0245	Lê Đại	Chiến	Nam	12/03/1994	Tỉnh Đắk Lắk	5,11	5,11	
HỘI SỨC CẤP CỨU – CHỐNG ĐỘC									
82	26.01.06.0741	Nguyễn Ngọc Lan	Vi	Nữ	25/01/1996	Tỉnh Đắk Lắk	6,89	6,89	
83	26.01.06.0681	K'	Juýs	Nam	10/09/1991	Tỉnh Lâm Đồng	6,22	6,22	
84	26.01.06.0661	Nguyễn Khương	Duy	Nam	01/04/1994	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	5,56	5,56	
85	26.01.06.0715	Lý Thị Ngọc	Thảo	Nữ	27/04/1998	Tỉnh Sóc Trăng	5,89	5,89	
86	26.01.06.0673	Võ Hoàng	Hiếu	Nam	29/06/2000	Tỉnh Gia Lai	6,56	6,56	
87	26.01.06.0670	Huỳnh Thị Kim	Hằng	Nữ	23/05/1988	Tỉnh Thuận Hải	6,56	6,56	
88	26.01.06.0665	Nguyễn Bảo	Dương	Nam	03/12/1996	Tỉnh Cà Mau	7,11	7,11	
NỘI TỔNG QUÁT									
89	26.01.10.1007	Lê Hoàng Linh	Đan	Nữ	20/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	5,22	5,22	
90	26.01.10.1123	Lê Mỹ Kim	Phương	Nữ	25/05/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	4,36	4,36	
91	26.01.10.1073	Lê Ngọc Hoàng	Minh	Nam	27/07/1995	Tỉnh Đồng Nai	7,00	7,00	
92	26.01.10.0971	Phạm Ngọc Vân	Anh	Nữ	28/11/2000	Tỉnh Cà Mau	6,44	6,44	
93	26.01.10.1051	Đặng Hồ Nhật	Khiêm	Nam	26/06/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	6,11	6,11	
94	26.01.10.1010	Vũ Xuân	Đại	Nam	25/12/1998	Tỉnh Lâm Đồng	5,44	5,44	
95	26.01.10.1026	Trần Thị Thu	Hiền	Nữ	16/11/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	5,11	5,11	
96	26.01.10.1065	Nguyễn Duy	Linh	Nam	07/03/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	6,11	6,11	
97	26.01.10.1171	Dương Thị Thanh	Thúy	Nữ	02/01/1997	Tỉnh Quảng Nam	6,00	6,00	
NGOẠI TỔNG QUÁT									
98	26.01.12.0790	Trương Văn	Tuấn	Nam	20/02/1994	Tỉnh Nghệ An	6,11	6,11	
NHA KHOA CƠ SỞ									
99	26.01.32.1290	Quảng Bình Y Như	Mộng	Nữ	17/05/1995	Ninh Thuận	4,40	4,40	
100	26.01.32.1287	Trần Trung	Hiếu	Nam	01/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	4,10	4,10	
NHÂN KHOA									
101	26.01.08.0860	Đặng Ngọc Anh	Thư	Nữ	23/07/2000	tỉnh Tiền Giang	7,33	7,33	
102	26.01.08.0877	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	15/06/2000	Tỉnh Đắk Lắk	6,67	6,67	
103	26.01.08.0862	Trần Thị Tường	Thy	Nữ	24/08/2000	Thành phố Cần Thơ	7,00	7,00	
NHI KHOA									
104	26.01.09.0955	Trần Công Nguyên	Trung	Nam	25/05/2000	Kontum	3,50	3,50	

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
105	26.01.09.0926	Phạm Thị Thúy Oanh	Nữ	14/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	4,25	4,25	
106	26.01.09.0936	Trần Thị Tuyết Sương	Nữ	22/12/1997	Bình Phước	4,75	4,75	
107	26.01.09.0919	Đào Bích Ngọc	Nữ	27/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	4,50	4,50	
108	26.01.09.0905	Lương Thu Hương	Nữ	02/02/1994	Tỉnh Nghệ An	4,50	4,50	
109	26.01.09.0901	Ngô Lê Hiệp	Nam	14/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	4,75	4,75	
110	26.01.09.0915	Vũ Quốc Luận	Nam	20/11/1983	Tỉnh Thái Bình	4,00	4,00	
111	26.01.09.0923	Lê Thị Tuyết Nhi	Nữ	07/10/1998	Bến Tre	4,50	4,50	
112	26.01.09.0966	Lê Hải Yến	Nữ	08/07/1999	Tỉnh Hà Tĩnh	4,75	4,75	
113	26.01.09.0927	Huỳnh Phú Phong	Nam	23/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	4,00	4,00	
114	26.01.09.0961	Trương Thị Tường Vi	Nữ	20/10/1999	Tỉnh Đắk Lắk	3,75	3,75	
115	26.01.09.0959	Trần Kim Tú	Nam	05/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	3,25	3,25	
116	26.01.09.0904	Lư Thị Hồng Huỳnh	Nữ	16/10/1994	Tỉnh Tây Ninh	4,25	4,25	
117	26.01.09.0965	Ngô Đặng Tường Vy	Nữ	23/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	4,75	4,75	
118	26.01.09.0892	Phạm Ngọc Đức	Nam	29/12/1998	Tỉnh Đắk Lắk	4,25	4,25	

PHẪU THUẬT TẠO HÌNH

119	26.01.13.1248	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	02/10/2000	Tỉnh Đắk Lắk	8,89	8,89	
-----	---------------	------------------	----	------------	--------------	------	------	--

SẢN PHỤ KHOA

120	26.01.15.1422	Nguyễn Thị Lập Phương	Nữ	26/10/1997	Quảng Nam	6,89	6,89	
121	26.01.15.1370	Phan Huyền Linh	Nữ	26/02/1994	Tỉnh Tây Ninh	7,44	7,44	
122	26.01.15.1471	Nguyễn Thị Trang	Nữ	19/11/1998	Tỉnh Hà Tĩnh	8,00	8,00	
123	26.01.15.1373	Phạm Ngọc Mỹ Linh	Nữ	01/03/1997	Tỉnh Đồng Nai	6,56	6,56	
124	26.01.15.1352	Nguyễn Hoàng	Nam	29/01/1999	Tỉnh Đồng Nai	7,22	7,22	
125	26.01.15.1480	Quách Phùng Mai Trâm	Nữ	07/03/1996	Tỉnh Cà Mau	8,67	8,67	
126	26.01.15.1367	Lâm Trúc Lâm	Nam	06/04/1991	An Giang	7,67	7,67	
127	26.01.15.1427	Lâm Thanh Quang	Nam	19/09/1994	Sóc Trăng	7,44	7,44	
128	26.01.15.1412	Vũ Thảo Nhi	Nữ	09/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	6,22	6,22	
129	26.01.15.1420	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	09/09/1997	Tỉnh Đồng Tháp	7,89	7,89	

SINH LÝ

130	26.01.03.0492	Nguyễn Thụy Ngọc Trâm	Nữ	23/09/1980	Ninh Thuận	9,56	9,56	
131	26.01.03.0488	Phan Thị Thuỳ Trang	Nữ	14/11/2000	Bình Định	9,22	9,22	
132	26.01.10.1007	Lê Hoàng Linh Đan	Nữ	20/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	7,56	7,56	
133	26.01.05.0621	Bùi Quang Thông	Nam	16/04/2000	Tỉnh Bình Thuận	9,11	9,11	
134	26.01.03.0443	Bùi Vinh Phát	Nam	23/10/1995	Trà Vinh	8,89	8,89	
135	26.01.10.1073	Lê Ngọc Hoàng Minh	Nam	27/07/1995	Tỉnh Đồng Nai	8,22	8,22	
136	26.01.06.0681	K' Juýs	Nam	10/09/1991	Tỉnh Lâm Đồng	7,78	7,78	
137	26.01.04.0526	Trần Thị Khánh Hà	Nữ	10/06/1993	Thành phố Đà Nẵng	4,91	4,91	
138	26.01.10.0971	Phạm Ngọc Vân Anh	Nữ	28/11/2000	Tỉnh Cà Mau	9,00	9,00	
139	26.01.06.0661	Nguyễn Khương Duy	Nam	01/04/1994	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	5,11	5,11	
140	26.01.03.0472	Trần Mai Thảo	Nữ	24/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8,78	8,78	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trước P.K	Điểm sau P.K	Ghi chú
141	26.01.06.0715	Lý Thị Ngọc	Thảo	Nữ	27/04/1998	Tỉnh Sóc Trăng	7,00	7,00	
142	26.01.03.0482	Lê Minh Anh	Thư	Nữ	15/10/1999	Tỉnh Khánh Hòa	8,11	8,11	
143	26.01.10.0974	Phạm Xuân	Ánh	Nữ	28/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	6,44	6,44	
144	26.01.10.1010	Vũ Xuân	Đại	Nam	25/12/1998	Tỉnh Lâm Đồng	8,11	8,11	
145	26.01.03.0391	Lý Thị Mỹ	Hào	Nữ	26/05/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	8,33	8,33	
146	26.01.03.0476	Võ Dương Gia	Thiên	Nam	08/03/2000	Bình Định	8,78	8,78	
147	26.01.18.1608	Phạm Công Hữu	Huân	Nam	31/07/1996	Tỉnh Tiền Giang	7,56	7,56	
148	26.01.06.0670	Huỳnh Thị Kim	Hằng	Nữ	23/05/1988	Tỉnh Thuận Hải	8,44	8,44	
149	26.01.10.1065	Nguyễn Duy	Linh	Nam	07/03/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	7,56	7,56	
150	26.01.03.0406	Lâm Lê Thanh	Hương	Nữ	05/02/1998	Bạc Liêu	8,89	8,89	
151	26.01.18.1630	Lư Gia	Trí	Nam	02/02/2000	Tỉnh Sóc Trăng	8,89	8,89	
152	26.01.10.1171	Dương Thị Thanh	Thùy	Nữ	02/01/1997	Tỉnh Quảng Nam	9,44	9,44	
153	26.01.03.0510	Nguyễn Lê Phương	Uyên	Nữ	20/02/1996	Tỉnh Đồng Nai	9,22	9,22	
TAI – MŨI – HỌNG									
154	26.01.16.1567	Nguyễn Trần Hoàng	Phương	Nam	29/07/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,33	
TÂM THẦN									
155	26.01.18.1608	Phạm Công Hữu	Huân	Nam	31/07/1996	Tỉnh Tiền Giang	7,56	7,56	
156	26.01.18.1630	Lư Gia	Trí	Nam	02/02/2000	Tỉnh Sóc Trăng	6,78	6,78	
TỔ CHỨC QUẢN LÝ Y TẾ									
157	26.01.22.1751	Đỗ Thị Thúy	An	Nữ	18/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	4,25	4,30	Chăm sóc ý

Danh sách có 157 thí sinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHQG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
 PGS. TS. DS Nguyễn Đăng Thoại
 KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH